TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2018/DS – ST
Ngày: 03/7/2018
V/v : "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bông Hường
2. Ông Võ Ngọc Đúng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T – Thành phố H

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên toà*: Bà Đoàn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 346/2017/TLST-DS ngày 18/10/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST –DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T

Địa chỉ: 89 L, phường L, quận Đ, TP. H

Địa chỉ liên lạc: Lầu 9 Tòa nhà V số 1-1A-2 T, phường B, Quận 1, TP.H

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Hà Xuân D
2. Ông K

Cùng địa chỉ liên lạc: Lầu 9 Tòa nhà V số 1-1A-2 T, phường B, Quận 1, TP.H

(Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2018)

Bị đơn: Ông Lê Thành Hữu N – sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: 423/7/8 A , phường P, quận T, TP.H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T có ông K và ông Hà Xuân D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/01/2014, Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Thành Hữu N có ký Hợp đồng tín dụng (Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ

ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) với nội dung như sau:

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng.

- Ngày giải ngân: 03/02/2015

- Thời hạn: 48 tháng từ ngày 03/02/2015

- Lãi suất: 30%/ năm

- Tài sản bảo đảm: Không có.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã thanh toán được 03 lần (lần 1 vào ngày 03/03/2015, lần 2 vào ngày 03/4/2015 và lần 3 vào ngày 12/5/2015) với tổng số tiền là 5.424.485 đồng, trong đó nợ gốc là 1.771.582 đồng, nợ lãi là 3.652.903 đồng sau đó ông N đã vi phạm N vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông N vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 03/7/2018, tổng dư nợ của ông N tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T là 117.853.267 đồng, trong đó: Nợ gốc là 48.228.418 đồng; Tiền lãi: 69.624.849 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông N có N vụ thanh toán số tiền 117.853.267 đồng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật : Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Ông N vi phạm N vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn đang cư ngụ tại phường P, quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là đúng qui định và trong thời hạn khởi kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn ông N đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. ***Về yêu cầu của nguyên đơn :***

Xét yêu cầu chấm dứt việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng (Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) ngày 15/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Lê Thành Hữu N thì yêu cầu này không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ 117.853.267 đồng, trong đó: Nợ gốc là 48.228.418 đồng; Tiền lãi: 69.624.849 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng ngày 15/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Lê Thành Hữu N thì có cơ sở xác định ông N còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ gốc: 48.228.418 đồng, lãi tạm tính đến ngày 03/7/2018 là 69.624.849 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng. Bị đơn đã vi phạm N vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng trên như đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã trình bày. Vì vậy, nay đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu ông N thanh toán nợ gốc: 48.228.418 đồng, lãi tạm tính đến ngày 03/7/2018 là 69.624.849 đồng. Lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 04/7/2018 theo Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước. Do vậy nguyên đơn yêu cầu ông N thanh toán tiền nợ gốc và lãi là có đủ cơ sở nên chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Xét thấy do ông N đã vi phạm N vụ trả nợ được qui định trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu chấm dứt việc tiếp tục thực hiện hợp đồng và yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

3. Về án phí: theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Lê Thành Hữu N phải chịu án phí sơ thẩm là 5.893.000 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là đồng cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo phiếu thu số 0009966 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận T.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng</u> :

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 5 Điều 177; Điều 184; Điều 208; khoản 2 Điều 220; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 323, 299 Bộ luật Dân sự;
- Điều 56 Luật, Khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Chấm dứt việc tiếp tục thực hiện hiện Hợp đồng tín dụng (Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) ngày 15/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Lê Thành Hữu N.

Buộc ông Lê Thành Hữu N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền là 117.853.267 đồng, trong đó: Nợ gốc là 48.228.618 đồng, lãi tạm tính đến ngày 03/7/2018 là 69.624.849 đồng.

Kể từ ngày 04/7/2018 ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận sẽ trong Hợp đồng tín dụng (Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) ngày 15/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Lê Thành Hữu N cho đến khi ông N thanh toán xong số nợ gốc trên cho Ngân hàng.

- Phương thức và thời hạn thanh toán: trả một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 04/7/2018 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận Hợp đồng tín dụng (Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) ngày 15/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Lê Thành Hữu N tính trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

2. **Về án phí:** Ông Lê Thành Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.893.000 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.474.838 đồng cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo phiếu thu số 0009966 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc niêm yết bản sao án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Trúc Lý

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;

- Lưu: VP, hồ sơ (Giang).

Huỳnh Thị Trúc Lý